TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 07/5/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngọ
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2020/QĐDS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm: 1981 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.
- *Bị đơn*: Ông Thái Hoàng T, sinh năm: 1985 *(Có mặt)*
Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1987 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Bá H trình bày:* Ngày 30/5/2018, vợ chồng ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng, hạn trả tiền 01 năm, lãi suất 3%/tháng, cứ 03 tháng sẽ trả lãi 01 lần. Tuy nhiên, quá thời hạn trên nhưng vợ chồng ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T không chịu trả tiền gốc và lãi nên ông yêu cầu: Vợ chồng ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T phải trả số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật dân sự.

- *Bị đơn ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T trình bày:* Vợ chồng ông bà xác nhận có mượn tiền và lãi suất như ông Nguyễn Bá H trình bày. Tuy nhiên, vợ chồng ông bà xin không trả lãi.

Tại phiên tòa, ông Thái Hoàng T xin được trả tiền gốc là 30.000.000 đồng cùng lãi suất là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, không được phía ông H chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T phải trả cho ông Nguyễn Bá H 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Bá H khởi kiện vợ chồng ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Ông T, bà T có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Do đó, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà Trần Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

Giấy mượn tiền ngày 30/5/2018 mà phía nguyên đơn cung cấp đã được phía bị đơn xác nhận, thể hiện: Ngày 30/5/2018, vợ chồng ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T có mượn của ông Nguyễn Bá H số tiền 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền là có thật và buộc vợ chồng ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T phải trả cho ông Nguyễn Bá H số tiền 30.000.000 đồng.

Lãi suất: Mặc dù trong giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất, tuy nhiên tại các biên bản hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng (tức 36%/năm), thời hạn trả là 01 năm, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 30/5/2018 đến ngày 30/5/2019. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Lãi suất thỏa thuận này vượt quá lãi suất quy định, do đó Hội đồng xét xử sẽ tính lại lãi suất cho phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được tính như sau:

- Lãi trong hạn (ngày 30/5/2018 đến ngày 30/5/2019): 30.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm = 6.000.000 đồng;

- Tiền lãi của số tiền lãi chậm trả (ngày 01/6/2019 đến ngày 07/5/2020): 6.000.000 đồng x 10%/năm x 11 tháng 06 ngày = 560.000 đồng;

- Tiền lãi đối với số tiền vay quá hạn (ngày 01/6/2019 đến ngày 07/5/2020): 30.000.000 đồng x 30%/năm x 11 tháng 06 ngày = 8.400.000 đồng.

Ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T phải trả cho ông Nguyễn Bá H là: 44.960.00 đồng.

Ông Thái Hoàng T cho rằng đã trả lãi cho ông Nguyễn Bá H nhiều lần, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Bá H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466,468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của ông Nguyễn Bá H. Buộc vợ chồng ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T phải trả cho ông Nguyễn Bá H số tiền 44.960.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí:

- Ông Nguyễn Bá H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho H số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0029088 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Ông Thái Hoàng T, bà Trần Thị Thanh T phải chịu 2.248.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phương